

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

VŨ THỊ BÍCH HẠNH

HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI NGƯỜI DÂN
THAM GIA BẢO VỆ CHỦ QUYỀN BIỂN ĐẢO
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KHÁNH HOÀ

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: KINH TẾ CHÍNH TRỊ

HÀ NỘI - 2026

**Công trình được hoàn thành tại
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

Người hướng dẫn khoa học: 1. PGS.TS. TRẦN HOA PHƯỢNG



2. TS. LÊ THỊ THANH HUYỀN



Phản biện 1:
.....

Phản biện 2:
.....

Phản biện 3:
.....

**Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp
Học viện họp tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
Vào hồi giờ, ngày ... tháng ... năm 202...**

**Có thể tìm hiểu luận án tại Thư viện Quốc gia
và Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Xét ở góc độ lý luận, mặc dù đã có nhiều công trình nghiên cứu liên quan đến phát triển kinh tế biển, quản lý nhà nước về biển, đảo và các chính sách hỗ trợ phát triển, song nghiên cứu về hỗ trợ của Nhà nước đối với người dân tham gia bảo vệ chủ quyền biển, đảo dưới góc độ Kinh tế chính trị còn tương đối hạn chế. Đặc biệt, chưa có nhiều công trình tiếp cận hỗ trợ như một quá trình huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực nhằm chia sẻ chi phí, rủi ro và điều hòa lợi ích giữa Nhà nước, người dân và các chủ thể liên quan, gắn hoạt động kinh tế biển với yêu cầu bảo vệ chủ quyền quốc gia.

Xét ở góc độ thực tiễn, Biển Đông có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng đối với phát triển kinh tế, quốc phòng, an ninh và bảo vệ chủ quyền quốc gia. Trong bối cảnh hoạt động trên biển ngày càng khó khăn, phức tạp, việc duy trì sinh kế, hoạt động kinh tế và sự hiện diện hợp pháp, thường xuyên của người dân trên biển có ý nghĩa quan trọng. Tại tỉnh Khánh Hòa, Nhà nước đã triển khai nhiều chính sách hỗ trợ người dân hoạt động kinh tế biển gắn với bảo vệ chủ quyền biển, đảo; tuy nhiên, quá trình phân bổ, tiếp cận và thụ hưởng nguồn lực hỗ trợ vẫn còn những hạn chế, ảnh hưởng đến hiệu quả và tính bền vững của hoạt động hỗ trợ. Vì vậy, việc nghiên cứu đề tài “*Hỗ trợ của Nhà nước đối với người dân tham gia bảo vệ chủ quyền biển đảo trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa*” có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn về hỗ trợ của Nhà nước đối với người dân tham gia bảo vệ chủ quyền biển, đảo, luận án phân tích, đánh giá thực trạng hỗ trợ của Nhà nước đối với người dân trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa; từ đó đề xuất các quan điểm và giải pháp về hỗ trợ của Nhà nước đối với người dân tham gia bảo vệ chủ quyền biển, đảo trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Thứ nhất, tổng quan các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan, qua đó xác định những kết quả có thể kế thừa, khoảng trống nghiên cứu và các vấn đề luận án cần tiếp tục làm rõ.

Thứ hai, xây dựng cơ sở lý luận về hỗ trợ của Nhà nước đối với người dân tham gia bảo vệ chủ quyền biển, đảo, bao gồm khái niệm, đặc điểm, vai trò, nội dung, tiêu chí đánh giá, các nhân tố ảnh hưởng và bài học kinh nghiệm.

Thứ ba, phân tích, đánh giá thực trạng hỗ trợ của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa; làm rõ kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân; đồng thời phân tích mối quan hệ giữa các nhóm hỗ trợ với mức độ tham gia bảo vệ chủ quyền biển, đảo của người dân.

Thứ tư, phân tích bối cảnh, xác định quan điểm và đề xuất các giải pháp về hỗ trợ của Nhà nước đối với người dân tham gia bảo vệ chủ quyền biển, đảo trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là hỗ trợ của Nhà nước đối với người dân tham gia bảo vệ chủ quyền biển, đảo trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa dưới góc độ khoa học Kinh tế chính trị.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về nội dung: Luận án nghiên cứu hỗ trợ của Nhà nước đối với người dân tham gia các hoạt động khai thác, nuôi trồng thủy sản và dịch vụ hậu cần nghề cá gắn với bảo vệ chủ quyền biển, đảo dưới góc độ Kinh tế chính trị. Nội dung nghiên cứu tập trung vào ba nhóm hỗ trợ: hỗ trợ tài chính; hỗ trợ hạ tầng kỹ thuật và công nghệ thông tin; hỗ trợ kiến thức và kỹ năng. Hoạt động hỗ trợ được đánh giá theo bốn tiêu chí: tính phù hợp; khả năng tiếp cận và mức độ bao phủ; tính hiệu quả; tính tác động. Đồng thời, luận án xem xét mối quan hệ giữa ba nhóm hỗ trợ với mức độ tham gia bảo vệ chủ quyền biển, đảo của người dân.

- Về không gian: Nghiên cứu được thực hiện trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa. Phân tích thực trạng sử dụng số liệu theo địa giới tỉnh Khánh Hòa

trước sáp nhập; việc phân tích bối cảnh và đề xuất giải pháp được đặt trong phạm vi tỉnh Khánh Hòa sau sáp nhập.

- Về thời gian: Luận án nghiên cứu thực trạng hỗ trợ của Nhà nước đối với người dân tham gia bảo vệ chủ quyền biển, đảo trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2015–2025; các giải pháp được đề xuất đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Trong luận án, nghiên cứu sinh sử dụng thống nhất cụm từ “biển, đảo” theo cách diễn đạt phổ biến trong các văn kiện, văn bản và công trình nghiên cứu có liên quan; tên đề tài được giữ nguyên theo Quyết định phê duyệt.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án dựa trên phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử; quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về vai trò của Nhà nước, quan hệ lợi ích và phân phối nguồn lực; đồng thời kế thừa có chọn lọc các lý thuyết, kết quả nghiên cứu có liên quan và vận dụng quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển kinh tế biển gắn với quốc phòng, an ninh và bảo vệ chủ quyền biển, đảo.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

4.2.1 Cách tiếp cận

Luận án tiếp cận từ khoa học Kinh tế chính trị, xem xét hỗ trợ của Nhà nước trong mối quan hệ giữa huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực, điều hòa lợi ích, chia sẻ chi phí và rủi ro nhằm tạo điều kiện cho người dân tham gia bảo vệ chủ quyền biển, đảo.

4.2.2. Phương pháp nghiên cứu sử dụng

Luận án kết hợp phương pháp định tính và định lượng. Các phương pháp nghiên cứu định tính bao gồm: phương pháp trừu tượng hóa khoa học, nghiên cứu tài liệu và tham vấn chuyên gia được sử dụng để xây dựng cơ sở lý luận, khung phân tích và tiêu chí đánh giá. Nghiên cứu định lượng được thực hiện thông qua khảo sát 405 người dân hoạt động trong lĩnh vực khai thác, nuôi trồng thủy sản và dịch vụ hậu cần nghề cá; dữ liệu được xử lý bằng SPSS 26 và SmartPLS để đánh giá thực trạng, nhu cầu hỗ trợ và

mối quan hệ giữa các nhóm hỗ trợ với mức độ tham gia bảo vệ chủ quyền biển, đảo.

Dữ liệu nghiên cứu gồm dữ liệu thứ cấp từ các văn kiện, chính sách, pháp luật và báo cáo của cơ quan trung ương, địa phương; dữ liệu sơ cấp được thu thập thông qua khảo sát người dân tại tỉnh Khánh Hòa.

5. Những đóng góp mới của luận án

5.1. Đóng góp mới về mặt lý luận

Thứ nhất, luận án góp phần làm rõ bản chất kinh tế chính trị và xây dựng khái niệm hỗ trợ của Nhà nước đối với người dân tham gia bảo vệ chủ quyền biển, đảo. Theo đó, hỗ trợ không chỉ là cung cấp nguồn lực mà còn là quá trình Nhà nước huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực nhằm tạo lập điều kiện hoạt động, chia sẻ chi phí, rủi ro và điều hòa lợi ích giữa người dân, địa phương và quốc gia. Luận án đồng thời làm rõ đặc điểm và vai trò của hoạt động hỗ trợ.

Thứ hai, luận án xây dựng khung phân tích gồm ba nhóm hỗ trợ (hỗ trợ tài chính; hỗ trợ hạ tầng kỹ thuật và công nghệ thông tin; hỗ trợ kiến thức và kỹ năng); cùng với bốn tiêu chí đánh giá (tính phù hợp; khả năng tiếp cận và mức độ bao phủ; tính hiệu quả; tính tác động) và các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động hỗ trợ.

5.2. Đóng góp mới về mặt thực tiễn

Thứ nhất, luận án phân tích có hệ thống thực trạng hỗ trợ của Nhà nước đối với người dân tham gia bảo vệ chủ quyền biển, đảo tại Khánh Hòa giai đoạn 2015–2025; làm rõ những kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân, nhất là các vấn đề trong phân bổ, tiếp cận, thụ hưởng và chuyển hóa nguồn lực hỗ trợ thành điều kiện, năng lực tham gia của người dân.

Thứ hai, kết quả phân tích PLS-SEM bổ sung bằng chứng thực nghiệm cho thấy ba nhóm hỗ trợ đều có mối quan hệ cùng chiều và có ý nghĩa thống kê với mức độ tham gia bảo vệ chủ quyền biển, đảo của người dân. Trong đó, hỗ trợ tài chính có mối quan hệ mạnh nhất, tiếp đến là hỗ trợ hạ tầng kỹ thuật và công nghệ thông tin, sau đó là hỗ trợ kiến thức và kỹ năng.

6. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, bảng biểu minh họa và phụ lục, nội dung luận án được kết cấu thành 4 chương, 10 tiết.

Chương 1

TỔNG QUAN CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI NGƯỜI DÂN THAM GIA BẢO VỆ CHỦ QUYỀN BIỂN ĐẢO TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KHÁNH HOÀ

1.1. CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU VỀ VAI TRÒ CỦA NGƯỜI DÂN TRONG BẢO VỆ CHỦ QUYỀN BIỂN, ĐẢO VÀ HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI NGƯỜI DÂN THAM GIA BẢO VỆ CHỦ QUYỀN BIỂN, ĐẢO

1.1.1. Các công trình nghiên cứu về vai trò của người dân trong bảo vệ chủ quyền biển, đảo

Các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước đã làm rõ vai trò của người dân trong bảo vệ chủ quyền biển, đảo thông qua việc duy trì các hoạt động kinh tế và sinh kế hợp pháp gắn với biển, nhất là sự hiện diện thường xuyên tại các vùng biển xa bờ; cung cấp thông tin và phối hợp với lực lượng chức năng; liên kết, tương trợ cộng đồng; chấp hành pháp luật và nâng cao nhận thức về biển, đảo. Các nghiên cứu đồng thời chỉ ra mối quan hệ giữa bảo đảm sinh kế, phát triển kinh tế biển và bảo vệ lợi ích quốc gia, qua đó khẳng định người dân là chủ thể tham gia quan trọng bên cạnh vai trò quản lý, tổ chức và hỗ trợ của Nhà nước. Đây là cơ sở để luận án kế thừa, xác định các hình thức tham gia của người dân và luận giải sự cần thiết hỗ trợ của Nhà nước.

1.1.2. Các công trình nghiên cứu về hỗ trợ của Nhà nước đối với người dân tham gia bảo vệ chủ quyền biển, đảo

Các công trình nghiên cứu về hỗ trợ của Nhà nước đối với người dân tham gia bảo vệ chủ quyền biển, đảo tập trung vào bốn hướng chủ yếu. Thứ nhất, các nghiên cứu phân tích nội dung và hình thức hỗ trợ như hỗ trợ tài chính, tín dụng, bảo hiểm, đầu tư hạ tầng nghề cá, ứng dụng công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực và hỗ trợ sinh kế cho người dân vùng biển, đảo. Thứ hai, một số công trình nghiên cứu vai trò của Nhà nước, quá trình phân bổ và tiếp cận nguồn lực, quan hệ lợi ích, tiêu chí đánh giá và các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động hỗ trợ. Thứ ba, nhiều nghiên cứu đề xuất giải pháp hoàn thiện chính sách nhằm phát triển kinh tế biển, bảo đảm sinh kế và nâng cao khả năng bám biển của người dân. Thứ tư, một số công

trình xem xét kết quả và tác động của hỗ trợ đối với hoạt động sản xuất, thu nhập, sinh kế và sự tham gia bảo vệ chủ quyền biển, đảo của người dân. Những kết quả này là cơ sở để luận án kế thừa trong việc xác định nội dung hỗ trợ, xây dựng tiêu chí đánh giá và phân tích các nhân tố ảnh hưởng; đồng thời tiếp tục làm rõ mục đích, cơ chế phân bổ, tiếp cận, thụ hưởng và chuyên hóa nguồn lực hỗ trợ thành kết quả thực tế.

1.2. GIÁ TRỊ KHOA HỌC CỦA CÁC CÔNG TRÌNH TỔNG QUAN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ LUẬN ÁN CẦN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU, LÀM RÕ

1.2.1. Giá trị khoa học của các công trình tổng quan

Các công trình tổng quan đã khẳng định vai trò của người dân và sự cần thiết hỗ trợ của Nhà nước trong phát triển kinh tế biển, bảo đảm sinh kế, duy trì hoạt động và sự hiện diện thường xuyên của người dân trên biển gắn với bảo vệ chủ quyền quốc gia. Các nghiên cứu đã làm rõ nhiều nội dung hỗ trợ như hỗ trợ tài chính, tín dụng, bảo hiểm, hạ tầng, công nghệ, thông tin và đào tạo; đồng thời cho thấy hiệu quả hỗ trợ phụ thuộc vào thiết kế chính sách, sự phối hợp giữa các nhóm hỗ trợ, năng lực tổ chức thực hiện và khả năng tiếp nhận, sử dụng nguồn lực của người dân. Một số công trình cũng nhấn mạnh yêu cầu phân cấp, tăng cường vai trò của địa phương và xây dựng chính sách phù hợp với đặc điểm từng địa bàn, từng nhóm đối tượng. Những kết quả này là cơ sở để luận án kế thừa trong xây dựng cơ sở lý luận, khung phân tích, đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp.

Mặc dù đạt được nhiều kết quả, song các công trình tổng quan vẫn còn một số khoảng trống:

Thứ nhất, khoảng trống về cách tiếp cận Kinh tế chính trị. Cơ chế huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực, chia sẻ chi phí, rủi ro và điều hòa lợi ích giữa người dân, địa phương và quốc gia chưa được luận giải trong một khung phân tích thống nhất.

Thứ hai, khoảng trống về mục đích và cơ chế hỗ trợ. Sự khác biệt và mối liên hệ giữa hỗ trợ vì mục tiêu xã hội, phát triển kinh tế với hỗ trợ gắn kinh tế với quốc phòng, an ninh chưa được làm rõ; mối quan hệ giữa ba nhóm hỗ trợ với khả năng duy trì hoạt động và tham gia bảo vệ chủ quyền biển, đảo của người dân còn ít được nghiên cứu.

Thứ ba, khoảng trống về phân bổ, tiếp cận và thụ hưởng nguồn lực. Nhiều nghiên cứu chú trọng quy mô và kết quả thực hiện chính sách nhưng chưa xem xét đầy đủ quá trình từ phân bổ, tiếp cận, thụ hưởng đến khả năng sử dụng nguồn lực của các nhóm thụ hưởng.

Thứ tư, khoảng trống về bằng chứng thực nghiệm và phương pháp nghiên cứu. Còn thiếu các nghiên cứu kết hợp dữ liệu thứ cấp với khảo sát người thụ hưởng để đánh giá nhu cầu, khả năng tiếp cận, kết quả thụ hưởng và mối quan hệ giữa các nhóm hỗ trợ với mức độ tham gia của người dân.

Thứ năm, khoảng trống trong điều kiện cụ thể của tỉnh Khánh Hòa. Các vấn đề lý luận và thực tiễn nêu trên chưa được nghiên cứu một cách hệ thống tại địa bàn có đặc điểm kinh tế biển và không gian biển, đảo đặc thù như Khánh Hòa.

1.2.2. Những vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu, làm rõ

Thứ nhất, làm rõ khái niệm, đặc điểm và vai trò hỗ trợ của Nhà nước đối với người dân tham gia bảo vệ chủ quyền biển, đảo dưới góc độ Kinh tế chính trị; xây dựng khung phân tích gồm nội dung hỗ trợ, tiêu chí đánh giá và các nhân tố ảnh hưởng.

Thứ hai, làm rõ mục đích và cơ chế hỗ trợ, nhất là quá trình huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực, chia sẻ chi phí và rủi ro, điều hòa lợi ích giữa người dân, địa phương và quốc gia; đồng thời phân biệt hỗ trợ gắn với bảo vệ chủ quyền biển, đảo với hỗ trợ chủ yếu vì mục tiêu kinh tế - xã hội.

Thứ ba, nghiên cứu kinh nghiệm trong nước và quốc tế, tập trung vào cách thức tổ chức thực hiện, phối hợp giữa các chủ thể, phân bổ nguồn lực, khả năng tiếp cận và giám sát, từ đó rút ra bài học phù hợp với tỉnh Khánh Hòa.

Thứ tư, trên cơ sở dữ liệu sơ cấp và thứ cấp, phân tích thực trạng hỗ trợ của Nhà nước đối với người dân tham gia bảo vệ chủ quyền biển, đảo tại tỉnh Khánh Hòa theo ba nhóm nội dung và bốn tiêu chí; làm rõ kết quả đạt được, hạn chế, nguyên nhân và những vấn đề trong quá trình chuyển hóa nguồn lực hỗ trợ thành kết quả thực tế.

Thứ năm, phân tích mức độ tiếp cận, thụ hưởng và nhu cầu hỗ trợ của người dân; đồng thời sử dụng mô hình PLS-SEM để xem xét mối quan

hệ giữa ba nhóm hỗ trợ với mức độ tham gia bảo vệ chủ quyền biển, đảo, qua đó bổ sung bằng chứng thực nghiệm cho nghiên cứu.

Thứ sáu, phân tích bối cảnh, xác định quan điểm và đề xuất giải pháp về hỗ trợ của Nhà nước đối với người dân tham gia bảo vệ chủ quyền biển, đảo tại tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Chương 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KINH NGHIỆM THỰC TIỄN VỀ HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI NGƯỜI DÂN THAM GIA BẢO VỆ CHỦ QUYỀN BIỂN ĐẢO

2.1. KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM VÀ VAI TRÒ HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI NGƯỜI DÂN THAM GIA BẢO VỆ CHỦ QUYỀN BIỂN, ĐẢO

2.1.1. Khái niệm hỗ trợ của Nhà nước, hỗ trợ của Nhà nước đối với người dân tham gia bảo vệ chủ quyền biển, đảo

2.1.1.1. Khái niệm biển, đảo

Trên cơ sở tiếp cận từ nhiều khái niệm khác nhau, trong phạm vi nghiên cứu của luận án, *“Biển, đảo là không gian địa lý và pháp lý bao gồm các vùng biển thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán của quốc gia theo quy định của pháp luật quốc gia và pháp luật quốc tế, cùng hệ thống đảo, quần đảo có liên quan; đồng thời là không gian kinh tế – xã hội có ý nghĩa chiến lược đối với phát triển kinh tế, quốc phòng, an ninh và bảo vệ lợi ích quốc gia”*.

2.1.1.2. Khái niệm bảo vệ chủ quyền biển, đảo

Từ việc tổng hợp các quan điểm nghiên cứu về chủ quyền biển, đảo, tác giả luận án cho rằng: *“Bảo vệ chủ quyền biển, đảo là tổng thể các hoạt động và biện pháp về chính trị, ngoại giao, kinh tế, pháp lý, quốc phòng, an ninh và xã hội do Nhà nước tổ chức và thực hiện, đồng thời có sự tham gia phù hợp của các chủ thể xã hội, nhằm bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và quyền, lợi ích hợp pháp của quốc gia trên biển, phù hợp với pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế”*.

2.1.1.3. Khái niệm người dân tham gia bảo vệ chủ quyền biển, đảo

Tham khảo và chọn lọc từ các nghiên cứu trước, theo tác giả luận án:

“Người dân tham gia bảo vệ chủ quyền biển, đảo là những cá nhân, nhóm dân cư sinh sống hoặc hoạt động kinh tế, sinh kế hợp pháp gắn với biển; thông qua việc duy trì sự hiện diện và hoạt động thường xuyên trên biển, đồng thời thực hiện các hình thức tham gia phù hợp với vị trí, khả năng, quyền và nghĩa vụ của mình nhằm góp phần bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và lợi ích quốc gia trên biển”.

2.1.1.4. Các hình thức tham gia bảo vệ chủ quyền biển, đảo của người dân

Sự tham gia của người dân vào bảo vệ chủ quyền biển, đảo được thể hiện qua bốn hình thức chủ yếu: (i) duy trì các hoạt động kinh tế, sinh kế hợp pháp gắn với biển, nhất là hoạt động thường xuyên tại các vùng biển xa bờ; (ii) cung cấp thông tin và phối hợp với lực lượng chức năng; (iii) liên kết, hợp tác và tương trợ cộng đồng trong hoạt động trên biển; (iv) chấp hành pháp luật, tuyên truyền và nâng cao nhận thức về bảo vệ chủ quyền biển, đảo.

Trong đó, duy trì hoạt động kinh tế và sinh kế hợp pháp trên biển là hình thức tham gia nền tảng, góp phần gắn lợi ích của người dân với lợi ích của địa phương và quốc gia. Các hình thức này có quan hệ hỗ trợ lẫn nhau nhưng không phải là những điều kiện mà mọi người dân phải đồng thời đáp ứng, bởi hình thức và mức độ tham gia phụ thuộc vào sinh kế, địa bàn hoạt động, điều kiện và khả năng của từng nhóm dân cư.

2.1.1.5. Khái niệm hỗ trợ của Nhà nước

Dựa vào các công trình nghiên cứu trước, tác giả luận án tiếp cận khái niệm hỗ trợ của Nhà nước từ góc độ ngành Kinh tế chính trị và đưa ra định nghĩa như sau: *“Hỗ trợ của Nhà nước là quá trình Nhà nước huy động, phân bổ và sử dụng các nguồn lực thuộc phạm vi quản lý thông qua các cơ chế, chính sách và công cụ phù hợp nhằm tạo lập và cải thiện điều kiện hoạt động của các chủ thể kinh tế – xã hội, đồng thời điều tiết quan hệ lợi ích, qua đó góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển và lợi ích chung của quốc gia”.*

2.1.1.6. Khái niệm “hỗ trợ của Nhà nước đối với người dân tham gia bảo vệ chủ quyền biển, đảo”

Xuất phát từ những nghiên cứu đã có, kế thừa và chọn lọc, trong phạm vi nghiên cứu của luận án, tác giả cho rằng: *“Hỗ trợ của Nhà nước*

đối với người dân tham gia bảo vệ chủ quyền biển, đảo là quá trình Nhà nước huy động, phân bổ và sử dụng các nguồn lực thông qua các cơ chế, chính sách và công cụ phù hợp nhằm tạo lập, duy trì và cải thiện các điều kiện về tài chính, hạ tầng kỹ thuật và công nghệ thông tin, kiến thức và kỹ năng cho người dân; qua đó chia sẻ một phần chi phí và rủi ro, nâng cao năng lực duy trì hoạt động kinh tế, sinh kế hợp pháp gắn với biển và thúc đẩy sự tham gia của người dân vào bảo vệ chủ quyền biển, đảo, đồng thời góp phần bảo đảm hài hòa quan hệ lợi ích giữa người dân, địa phương và quốc gia”.

2.1.2. Đặc điểm hỗ trợ của Nhà nước đối với người dân tham gia bảo vệ chủ quyền biển, đảo

Hỗ trợ của Nhà nước đối với người dân tham gia bảo vệ chủ quyền biển, đảo có những đặc điểm cơ bản: kết hợp mục tiêu phát triển kinh tế – xã hội với bảo vệ chủ quyền; gắn với chia sẻ chi phí và rủi ro của hoạt động trên biển; điều tiết quan hệ lợi ích giữa người dân, địa phương và quốc gia; mang tính liên ngành, đa chủ thể; đồng thời có tính dài hạn nhằm duy trì và tái tạo các điều kiện kinh tế – xã hội cho sự tham gia của người dân. Dưới góc độ Kinh tế chính trị, những đặc điểm này phản ánh quá trình Nhà nước huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực, điều hòa lợi ích và tạo lập điều kiện để người dân duy trì hoạt động kinh tế, sinh kế hợp pháp gắn với biển và tham gia bảo vệ chủ quyền biển, đảo lâu dài.

2.1.3. Vai trò hỗ trợ của Nhà nước đối với người dân tham gia bảo vệ chủ quyền biển, đảo

Hỗ trợ của Nhà nước có vai trò tạo lập và cải thiện các điều kiện kinh tế – xã hội để người dân duy trì hoạt động kinh tế, sinh kế hợp pháp gắn với biển; nâng cao năng lực thực hiện các hình thức tham gia bảo vệ chủ quyền biển, đảo; gắn kết lợi ích kinh tế của người dân với lợi ích của địa phương và quốc gia; đồng thời góp phần kết hợp phát triển kinh tế biển với bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và lợi ích quốc gia trên biển. Vai trò này được thực hiện thông qua huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực nhằm giảm bớt rào cản, chia sẻ chi phí và rủi ro, nâng cao khả năng tiếp cận và chuyển hóa nguồn lực hỗ trợ thành điều kiện, năng lực tham gia thực tế của người dân.

2.2. NỘI DUNG, TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VÀ NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI NGƯỜI DÂN THAM GIA BẢO VỆ CHỦ QUYỀN BIỂN, ĐẢO

2.2.1. Nội dung hỗ trợ của Nhà nước đối với người dân tham gia bảo vệ chủ quyền biển, đảo

2.2.1.1. Hỗ trợ về tài chính

Hỗ trợ tài chính là việc Nhà nước sử dụng các công cụ tài chính nhằm cải thiện khả năng tiếp cận vốn, giảm bớt chi phí và chia sẻ hậu quả kinh tế của rủi ro, qua đó tạo điều kiện để người dân duy trì hoạt động kinh tế, sinh kế hợp pháp gắn với biển. Các hình thức hỗ trợ chủ yếu gồm tín dụng ưu đãi để đầu tư phương tiện, trang thiết bị và vốn phục vụ hoạt động; hỗ trợ chi phí nhiên liệu; hỗ trợ bảo hiểm đối với con người, phương tiện và tài sản; miễn, giảm thuế, phí cùng các công cụ tài chính hỗ trợ khác. Thông qua phân bổ nguồn lực và chia sẻ một phần chi phí, rủi ro, nhóm hỗ trợ này góp phần duy trì hoạt động trên biển và tạo điều kiện để người dân thực hiện các hình thức tham gia phù hợp. Phạm vi hỗ trợ được xác định trên cơ sở mục tiêu, đối tượng, điều kiện và cơ chế tác động của từng chính sách đối với khả năng tham gia bảo vệ chủ quyền biển, đảo của người dân.

2.2.1.2. Hỗ trợ về hạ tầng kỹ thuật và công nghệ thông tin

Hỗ trợ về hạ tầng kỹ thuật và công nghệ thông tin là quá trình Nhà nước đầu tư, tạo điều kiện và hỗ trợ người dân tiếp cận, sử dụng các điều kiện vật chất, kỹ thuật, công nghệ, thông tin và kết nối cần thiết cho hoạt động kinh tế, sinh kế trên biển. Nội dung hỗ trợ chủ yếu gồm đầu tư hệ thống cảng, bến, khu neo đậu, cơ sở hậu cần, kho lạnh, điện, nước; trang thiết bị phục vụ khai thác, định vị, giám sát hành trình, bảo quản sản phẩm và bảo đảm an toàn; hệ thống thông tin liên lạc, cảnh báo thiên tai, thông tin thời tiết, ngư trường, thị trường và dữ liệu cần thiết. Nhóm hỗ trợ này góp phần cải thiện điều kiện hoạt động, bảo đảm an toàn, duy trì kết nối, nâng cao khả năng tiếp cận thông tin và sử dụng công nghệ, qua đó tạo điều kiện để người dân duy trì hoạt động kinh tế, sinh kế hợp pháp và thực hiện các hình thức tham gia bảo vệ chủ quyền biển, đảo phù hợp.

2.2.1.3. Hỗ trợ về kiến thức và kỹ năng

Hỗ trợ về kiến thức và kỹ năng là quá trình Nhà nước tổ chức và tạo

điều kiện để người dân tiếp cận những kiến thức, kỹ năng cần thiết nhằm tiếp nhận, sử dụng hiệu quả các nguồn lực và duy trì hoạt động kinh tế, sinh kế hợp pháp gắn với biển. Nội dung hỗ trợ chủ yếu gồm kiến thức và kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ; pháp luật, an toàn và ứng phó với rủi ro; sử dụng công nghệ và thông tin; tổ chức, hợp tác và thích ứng; bảo vệ sức khỏe và an toàn nghề nghiệp. Nhóm hỗ trợ này góp phần nâng cao năng lực sử dụng công nghệ, tuân thủ pháp luật, bảo đảm an toàn, tổ chức hoạt động và thích ứng của người dân; đồng thời chuyển hóa các nguồn lực tài chính, vật chất, kỹ thuật và thông tin thành năng lực hoạt động thực tế, qua đó tạo điều kiện để người dân thực hiện các hình thức tham gia bảo vệ chủ quyền biển, đảo phù hợp.

2.2.2. Tiêu chí đánh giá hỗ trợ của Nhà nước đối với người dân tham gia bảo vệ chủ quyền biển, đảo

Luận án xây dựng hệ thống tiêu chí đánh giá hỗ trợ của Nhà nước đối với người dân tham gia bảo vệ chủ quyền biển, đảo gồm bốn tiêu chí cơ bản: (i) tính phù hợp, phản ánh mức độ đáp ứng của nội dung hỗ trợ đối với nhu cầu, điều kiện của người dân và mục tiêu hỗ trợ; (ii) khả năng tiếp cận và mức độ bao phủ, phản ánh khả năng tiếp cận, thụ hưởng và sự khác biệt giữa các nhóm đối tượng trên cơ sở nhu cầu, điều kiện và mức độ rủi ro; (iii) tính hiệu quả, phản ánh kết quả trực tiếp và mức độ đạt mục tiêu hỗ trợ trong phạm vi nguồn lực, dữ liệu nghiên cứu; (iv) tính tác động, phản ánh những thay đổi gắn với hỗ trợ đối với điều kiện hoạt động, năng lực duy trì sinh kế và mức độ tham gia bảo vệ chủ quyền biển, đảo của người dân.

2.2.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến hỗ trợ của Nhà nước đối với người dân tham gia bảo vệ chủ quyền biển, đảo

2.2.3.1. Tiếp cận lý thuyết và cơ sở xác định nhân tố ảnh hưởng đến hỗ trợ của Nhà nước đối với người dân tham gia bảo vệ chủ quyền biển, đảo

Việc xác định các nhân tố ảnh hưởng được thực hiện trên cơ sở vận dụng cách tiếp cận Kinh tế chính trị kết hợp với lý thuyết chính sách công, lý thuyết thể chế và quan điểm quản lý biển hiện đại. Theo đó, hỗ trợ của Nhà nước đối với người dân tham gia bảo vệ chủ quyền biển, đảo được xem xét trong mối quan hệ giữa mục tiêu phát triển kinh tế biển, bảo vệ

chủ quyền quốc gia và điều kiện của người thụ hưởng.

2.2.3.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến hỗ trợ của Nhà nước đối với người dân tham gia bảo vệ chủ quyền biển, đảo

Hoạt động hỗ trợ của Nhà nước đối với người dân tham gia bảo vệ chủ quyền biển, đảo chịu tác động của hai nhóm nhân tố cơ bản.

Nhóm nhân tố khách quan gồm: điều kiện tự nhiên và không gian kinh tế biển, đảo; bối cảnh kinh tế – xã hội và thị trường thủy sản; bối cảnh chính trị – an ninh biển và yêu cầu bảo vệ chủ quyền; yếu tố lịch sử, văn hóa và truyền thống của cộng đồng cư dân biển.

Nhóm nhân tố chủ quan gồm: thể chế và năng lực quản trị công; nguồn lực tài chính và cơ chế phân bổ ngân sách; năng lực của cộng đồng ngư dân; sự phối hợp giữa các chủ thể; cơ chế giám sát, trách nhiệm giải trình và tiếp nhận phản hồi.

2.3. KINH NGHIỆM VỀ HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI NGƯỜI DÂN THAM GIA BẢO VỆ CHỦ QUYỀN BIỂN, ĐẢO VÀ BÀI HỌC ĐỐI VỚI TỈNH KHÁNH HOÀ

2.3.1. Một số kinh nghiệm quốc tế

2.3.1.1. Kinh nghiệm của Nhật Bản

2.3.1.2. Kinh nghiệm của Indonesia

2.3.2. Một số kinh nghiệm trong nước

2.3.2.1. Kinh nghiệm của tỉnh Quảng Ngãi trong hỗ trợ người dân bám biển gắn với bảo vệ chủ quyền

2.3.2.2. Kinh nghiệm của tỉnh An Giang

2.3.3. Bài học kinh nghiệm cho tỉnh Khánh Hòa về hỗ trợ của Nhà nước đối với người dân tham gia bảo vệ chủ quyền biển, đảo

Kinh nghiệm quốc tế và trong nước gợi mở một số bài học cho tỉnh Khánh Hòa như sau:

Thứ nhất, thiết kế chính sách hỗ trợ phù hợp với điều kiện tự nhiên, không gian kinh tế biển và đặc điểm nghề cá của địa phương.

Thứ hai, bảo đảm hoạt động hỗ trợ có khả năng thích ứng với biến động của thị trường thủy sản, yêu cầu hội nhập quốc tế và quá trình hiện đại hóa quản lý nghề cá.

Thứ ba, lồng ghép chặt chẽ mục tiêu phát triển kinh tế biển với mục tiêu bảo vệ chủ quyền biển, đảo trong quá trình thiết kế và triển khai hỗ trợ.

Thứ tư, nâng cao chất lượng thể chế và năng lực tổ chức thực hiện chính sách nhằm bảo đảm hiệu quả hỗ trợ.

Thứ năm, bảo đảm nguồn lực tài chính công ổn định và phân bổ nguồn lực hỗ trợ theo hướng có trọng tâm, trọng điểm.

Thứ sáu, chú trọng nâng cao năng lực kinh tế, trình độ và khả năng tiếp nhận hỗ trợ của cộng đồng ngư dân.

Thứ bảy, tăng cường phối hợp liên ngành, liên cấp và sự tham gia của nhiều chủ thể trong quá trình tổ chức thực hiện chính sách.

Thứ tám, thiết lập cơ chế giám sát, đánh giá và phản hồi chính sách dựa trên bằng chứng nhằm nâng cao hiệu quả và khả năng điều chỉnh chính sách.

Chương 3

THỰC TRẠNG HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI NGƯỜI DÂN THAM GIA BẢO VỆ CHỦ QUYỀN BIỂN ĐẢO TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KHÁNH HOÀ

3.1. ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA TỈNH KHÁNH HOÀ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI NGƯỜI DÂN THAM GIA BẢO VỆ CHỦ QUYỀN BIỂN, ĐẢO

3.1.1. Đặc điểm không gian, biển, đảo và điều kiện tự nhiên có liên quan đến việc triển khai hỗ trợ

Khánh Hòa là địa phương có không gian biển rộng, vị trí chiến lược về phát triển kinh tế biển và bảo vệ chủ quyền quốc gia. Đặc điểm ngư trường xa bờ, chi phí sản xuất cao và rủi ro từ điều kiện tự nhiên, thiên tai làm gia tăng nhu cầu hỗ trợ của Nhà nước về tài chính, hạ tầng kỹ thuật và công nghệ thông tin, kiến thức và kỹ năng nhằm giúp người dân duy trì hoạt động trên biển và bảo đảm an toàn trong sản xuất.

3.1.2. Đặc điểm sinh kế và điều kiện kinh tế - xã hội của người dân vùng ven biển, hải đảo có liên quan đến thụ hưởng hỗ trợ

Người dân vùng ven biển và hải đảo tỉnh Khánh Hòa chủ yếu sinh sống bằng khai thác, nuôi trồng thủy sản và dịch vụ hậu cần nghề cá, với thu nhập phụ thuộc lớn vào điều kiện tự nhiên và thị trường nên tiềm ẩn nhiều rủi ro. Bên cạnh đó, sự khác biệt về quy mô sản xuất, năng lực tài chính, trình độ và khả năng tiếp cận thông tin dẫn đến sự khác nhau trong

khả năng tiếp cận và thụ hưởng các chính sách hỗ trợ của Nhà nước. Đây là những yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến tính phù hợp, tính bao phủ và hiệu quả của hoạt động hỗ trợ.

3.1.3. Chủ trương, chính sách, chương trình và văn bản pháp lý về hỗ trợ của Nhà nước đối với người dân tham gia bảo vệ chủ quyền biển, đảo trên địa bàn tỉnh Khánh Hoà

Hoạt động hỗ trợ người dân tham gia bảo vệ chủ quyền biển, đảo trên địa bàn tỉnh Khánh Hoà được triển khai trên cơ sở hệ thống chủ trương, chính sách và văn bản pháp lý tương đối đầy đủ từ Trung ương đến địa phương. Đây là nền tảng chính trị, pháp lý và tổ chức quan trọng cho việc thực hiện các hình thức, nội dung hỗ trợ, đồng thời là cơ sở để đánh giá thực trạng hỗ trợ của Nhà nước đối với người dân tham gia bảo vệ chủ quyền biển, đảo trên địa bàn tỉnh.

3.2. THỰC TRẠNG HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI NGƯỜI DÂN THAM GIA BẢO VỆ CHỦ QUYỀN BIỂN, ĐẢO TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KHÁNH HOÀ GIAI ĐOẠN 2015 - 2025

3.2.1. Thực trạng hỗ trợ tài chính của Nhà nước

Trong giai đoạn 2015–2025, Nhà nước đã triển khai nhiều chính sách hỗ trợ tài chính đối với người dân tham gia bảo vệ chủ quyền biển, đảo trên địa bàn tỉnh Khánh Hoà, tập trung vào hỗ trợ tín dụng ưu đãi, hỗ trợ nhiên liệu và hỗ trợ bảo hiểm. Kết quả khảo sát cho thấy 55,5% người dân đã tiếp cận chính sách tín dụng ưu đãi, góp phần giảm bớt khó khăn về vốn và duy trì hoạt động khai thác, nuôi trồng thủy sản và dịch vụ hậu cần nghề cá. Bên cạnh đó, chính sách hỗ trợ nhiên liệu được thực hiện tương đối ổn định với tổng kinh phí hỗ trợ gần 1.500 tỷ đồng trong giai đoạn 2011–2025, góp phần giảm chi phí sản xuất và khuyến khích người dân duy trì hoạt động trên biển. Các chính sách hỗ trợ bảo hiểm cũng từng bước được triển khai, góp phần chia sẻ rủi ro và nâng cao mức độ an tâm cho người dân trong quá trình sản xuất và hoạt động trên biển.

Tuy nhiên, kết quả thực hiện một số chương trình còn khoảng cách so với mục tiêu và quy mô dự kiến; khả năng tiếp cận, thụ hưởng hỗ trợ tài chính còn khác biệt giữa các nhóm đối tượng; tỷ lệ tiếp cận của cá nhân, hộ gia đình nhìn chung thấp hơn so với hợp tác xã và doanh nghiệp. Quy mô thực hiện một số chính sách bảo hiểm giảm mạnh qua các năm, trong

khi nhu cầu hỗ trợ tài chính vẫn ở mức khá cao. Khoảng cách giữa nhu cầu hỗ trợ với khả năng tiếp cận và thụ hưởng chính sách vẫn còn tồn tại, đặc biệt đối với các hộ sản xuất quy mô nhỏ. Điều đó cho thấy hỗ trợ tài chính đã tạo thêm điều kiện để người dân duy trì hoạt động kinh tế, sinh kế hợp pháp gắn với biển, nhưng mức độ bao phủ, tính ổn định và khả năng đáp ứng nhu cầu thực tế vẫn còn hạn chế.

3.2.2. Thực trạng hỗ trợ hạ tầng kỹ thuật và công nghệ thông tin của Nhà nước

Trong giai đoạn 2015–2025, Nhà nước đã đầu tư, nâng cấp kết cấu hạ tầng phục vụ hoạt động kinh tế biển gắn với bảo vệ chủ quyền biển, đảo trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa. Hệ thống 5 cảng cá và 1 khu neo đậu tránh trú bão cùng các công trình dịch vụ hậu cần nghề cá, điện, nước phục vụ sản xuất từng bước được đầu tư, nâng cấp, góp phần cải thiện điều kiện hoạt động của người dân trên biển.

Bên cạnh đó, các chính sách hỗ trợ về công nghệ thông tin được đẩy mạnh thông qua việc triển khai hệ thống giám sát hành trình tàu cá, thông tin liên lạc và cảnh báo thiên tai. Đến năm 2025, tỷ lệ tàu cá thuộc diện bắt buộc lắp đặt thiết bị giám sát hành trình đạt khoảng 99,5%, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nghề cá, bảo đảm an toàn cho người dân và hỗ trợ thực hiện các quy định về chống khai thác IUU.

Tuy nhiên, mức độ đáp ứng của một số hạng mục hạ tầng còn chưa đồng đều giữa các địa bàn; khả năng khai thác và sử dụng một số công nghệ hỗ trợ của người dân còn hạn chế. Điều này cho thấy cần tiếp tục hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật và nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động nghề biển.

3.2.3. Thực trạng hỗ trợ kiến thức và kỹ năng của Nhà nước

Trong giai đoạn 2015–2025, Nhà nước đã triển khai các hoạt động đào tạo, tập huấn và tuyên truyền về pháp luật biển, đảo; kỹ năng khai thác, bảo quản thủy sản; an toàn lao động; phòng tránh thiên tai và ứng phó rủi ro trên biển. Các hoạt động này đã tạo điều kiện để người dân nâng cao nhận thức, kỹ năng nghề nghiệp và khả năng duy trì hoạt động kinh tế, sinh kế hợp pháp gắn với biển.

Kết quả khảo sát cho thấy mức tiếp cận hỗ trợ về sức khỏe và an toàn lao động đạt 94,7%, phòng tránh thiên tai đạt 88,0%, phản ánh sự tập trung

tương đối cao vào những nội dung thiết yếu. Tuy nhiên, mức tiếp cận kỹ năng khai thác và bảo quản còn thấp hơn, trong khi đào tạo về vận hành phương tiện hiện đại, công nghệ thông tin và chuyển đổi số còn rất hạn chế, với tỷ lệ tiếp cận công nghệ thông tin dưới 5%. Quy mô thực hiện một số chương trình đào tạo cũng chưa đạt kế hoạch đề ra.

Điều đó cho thấy nội dung hỗ trợ còn mất cân đối giữa kiến thức về an toàn, phòng ngừa rủi ro với kỹ năng công nghệ, bảo quản và thích ứng với yêu cầu mới. Vì vậy, cần điều chỉnh nội dung và phương thức đào tạo theo những khoảng trống năng lực cụ thể, đồng thời gắn đào tạo với thiết bị, công nghệ và khả năng áp dụng của người dân trong thực tế.

3.3. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ THỰC TRẠNG HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI NGƯỜI DÂN THAM GIA BẢO VỆ CHỦ QUYỀN BIỂN, ĐẢO TRÊN ĐỊA BÀN KHÁNH HOÀ

3.3.1. Kết quả đạt được

3.3.1.1. Về hỗ trợ tài chính

Xét theo các tiêu chí đánh giá, hỗ trợ tài chính nhìn chung phù hợp với đặc điểm hoạt động kinh tế biển và nhu cầu duy trì sinh kế của người dân. Các chính sách tín dụng ưu đãi, hỗ trợ nhiên liệu và bảo hiểm đã tạo điều kiện để người dân tiếp cận nguồn vốn, giảm bớt áp lực chi phí và chia sẻ một phần rủi ro trong hoạt động khai thác, nuôi trồng thủy sản và dịch vụ hậu cần nghề cá. Mặc dù mức độ tiếp cận và thụ hưởng còn khác nhau giữa các nhóm đối tượng, hỗ trợ tài chính đã góp phần duy trì hoạt động kinh tế, sinh kế hợp pháp gắn với biển. Kết quả phân tích PLS-SEM cho thấy hỗ trợ tài chính có mối quan hệ cùng chiều, có ý nghĩa thống kê và mạnh nhất trong ba nhóm hỗ trợ đối với mức độ tham gia bảo vệ chủ quyền biển, đảo của người dân ($\beta = 0,402$).

3.3.1.2. Về hỗ trợ hạ tầng kỹ thuật và công nghệ thông tin

Hỗ trợ hạ tầng kỹ thuật và công nghệ thông tin cơ bản phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế biển, bảo đảm an toàn và quản lý hoạt động trên biển. Việc đầu tư các công trình hạ tầng nghề cá, hệ thống giám sát hành trình, thông tin liên lạc và cảnh báo thiên tai đã cải thiện điều kiện hoạt động, tăng cường khả năng kết nối thông tin và hỗ trợ người dân duy trì hoạt động trên biển. Phạm vi tiếp cận một số công trình, thiết bị và hệ thống thông tin tương đối rộng, song mức độ thụ hưởng còn khác nhau

giữa các nhóm đối tượng. Kết quả phân tích PLS-SEM cho thấy nhóm hỗ trợ này có mối quan hệ cùng chiều và có ý nghĩa thống kê với mức độ tham gia bảo vệ chủ quyền biển, đảo của người dân ($\beta = 0,252$).

3.3.1.3. Về hỗ trợ kiến thức và kỹ năng

Các hoạt động đào tạo, tập huấn và tuyên truyền nhìn chung phù hợp với yêu cầu nâng cao kiến thức, kỹ năng và khả năng ứng phó với rủi ro của người dân hoạt động trên biển. Mức độ tiếp cận các nội dung về sức khỏe, an toàn lao động và phòng tránh thiên tai tương đối cao, góp phần nâng cao nhận thức, kỹ năng nghề nghiệp và khả năng duy trì hoạt động kinh tế, sinh kế hợp pháp gắn với biển. Tuy nhiên, phạm vi tiếp cận giữa các nội dung đào tạo còn chưa đồng đều, nhất là đối với công nghệ thông tin và vận hành phương tiện hiện đại. Kết quả phân tích PLS-SEM cho thấy hỗ trợ kiến thức và kỹ năng có mối quan hệ cùng chiều và có ý nghĩa thống kê với mức độ tham gia bảo vệ chủ quyền biển, đảo của người dân ($\beta = 0,129$).

3.3.2. Những hạn chế chủ yếu

Thứ nhất, kết quả thực hiện của một số chương trình hỗ trợ còn có khoảng cách đáng kể so với mục tiêu và quy mô dự kiến.

Thứ hai, cơ cấu hỗ trợ chưa cân đối giữa đáp ứng nhu cầu duy trì hoạt động, bảo đảm an toàn với yêu cầu nâng cao năng lực và thích ứng trong dài hạn.

Thứ ba, khả năng tiếp cận và thụ hưởng một số nội dung hỗ trợ còn hạn chế và chưa đồng đều giữa các nhóm đối tượng.

Thứ tư, quy mô và kết quả thực hiện của một số nội dung hỗ trợ chưa được duy trì ổn định qua thời gian.

Thứ năm, mức độ chuyển hóa nguồn lực hỗ trợ thành năng lực hoạt động thực tế và sự tham gia lâu dài của người dân còn hạn chế, chưa tương xứng với nguồn lực và mục tiêu hỗ trợ.

3.3.3. Nguyên nhân của những hạn chế

Thứ nhất, đặc thù tự nhiên, không gian hoạt động trên biển và mức độ rủi ro cao làm gia tăng chi phí, tính bất định và nhu cầu hỗ trợ của người dân, trong khi khả năng bù đắp của các nguồn lực hỗ trợ luôn có giới hạn.

Thứ hai, sự biến động của môi trường kinh tế, thể chế – chính sách

và tính phức tạp của tình hình an ninh, địa chính trị trên biển làm gia tăng yêu cầu và đặt ra những đòi hỏi mới đối với hoạt động hỗ trợ.

Thứ ba, việc phân bổ nguồn lực và tổ chức thực hiện hỗ trợ chưa hoàn toàn theo kịp sự khác biệt về nhu cầu, mức độ rủi ro và năng lực tiếp nhận của các nhóm người dân.

Thứ tư, năng lực tổ chức thực hiện và sự phối hợp giữa các chủ thể tham gia hỗ trợ còn hạn chế, ảnh hưởng đến quá trình phân bổ, chuyển giao nguồn lực và khả năng hiện thực hóa mục tiêu hỗ trợ đối với người thụ hưởng.

Thứ năm, năng lực kinh tế, trình độ, khả năng tiếp nhận công nghệ và mức độ tổ chức, liên kết của người dân còn khác biệt, dẫn đến cùng một nguồn lực hỗ trợ nhưng khả năng tiếp cận, hấp thụ và chuyển hóa thành năng lực tham gia không giống nhau.

Chương 4

QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP VỀ HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI NGƯỜI DÂN THAM GIA BẢO VỆ CHỦ QUYỀN BIỂN ĐẢO TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KHÁNH HOÀ

4.1. BỐI CẢNH MỚI VÀ YÊU CẦU ĐẶT RA, QUAN ĐIỂM HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI NGƯỜI DÂN THAM GIA BẢO VỆ CHỦ QUYỀN BIỂN, ĐẢO TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KHÁNH HOÀ

4.1.1. Bối cảnh mới tác động đến hỗ trợ của Nhà nước đối với người dân tham gia bảo vệ chủ quyền biển, đảo

Bối cảnh mới được hình thành từ việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW, Nghị quyết số 20-NQ/TW và các định hướng phát triển đất nước theo Văn kiện Đại hội XIV của Đảng; cùng với xu hướng phát triển kinh tế biển xanh, quản trị biển hiện đại và những diễn biến phức tạp của tình hình chính trị – an ninh trên biển. Sự phát triển của khoa học – công nghệ, chuyển đổi số, yêu cầu chống khai thác IUU, biến đổi khí hậu, rủi ro nghề nghiệp và biến động thị trường đang làm thay đổi nhu cầu, nội dung và phương thức hỗ trợ. Đồng thời, việc hình thành tỉnh Khánh Hòa mới đặt ra yêu cầu rà soát phạm vi, đối tượng và cơ chế phân bổ nguồn lực. Trong bối cảnh đó, hỗ trợ của Nhà nước cần được hoàn thiện theo hướng hiệu quả, thích ứng và bền vững, gắn duy trì hoạt động với nâng cao năng lực của người dân.

4.1.2. Quan điểm về hỗ trợ của Nhà nước đối với người dân tham gia bảo vệ chủ quyền biển, đảo trên địa bàn tỉnh Khánh Hoà

Hỗ trợ của Nhà nước cần gắn phát triển kinh tế biển, bảo đảm sinh kế và lợi ích chính đáng của người dân với bảo vệ chủ quyền, quyền và lợi ích quốc gia trên biển. Hoạt động hỗ trợ phải nâng cao hiệu quả phân bổ, sử dụng nguồn lực và năng lực tự chủ của người dân; tăng cường khả năng thích ứng, chia sẻ rủi ro, bảo đảm tính liên tục của các nội dung thiết yếu và công bằng trong tiếp cận, thụ hưởng. Đồng thời, hỗ trợ cần dựa trên nhu cầu, kết quả thực hiện và cơ chế phản hồi để kịp thời điều chỉnh, qua đó nâng cao khả năng chuyển hóa nguồn lực thành năng lực tham gia của người dân.

4.2. GIẢI PHÁP VỀ HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI NGƯỜI DÂN THAM GIA BẢO VỆ CHỦ QUYỀN BIỂN, ĐẢO TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KHÁNH HOÀ

4.2.1. Hoàn thiện cơ chế phân bổ và tiếp cận nguồn lực hỗ trợ

4.2.1.1. Xác lập ưu tiên phân bổ nguồn lực theo nhu cầu, rủi ro và kết quả thực hiện

Việc phân bổ nguồn lực cần dựa trên nhu cầu thực tế, mức độ rủi ro, khả năng tiếp nhận và kết quả thực hiện của từng nội dung hỗ trợ, thay vì chủ yếu căn cứ vào quy mô kế hoạch. Đối với chương trình có khoảng cách lớn giữa dự kiến và thực hiện, cần theo dõi quá trình từ xác định nhu cầu, đối tượng và điều kiện đến thụ hưởng để nhận diện điểm nghẽn trước khi điều chỉnh nguồn lực. Ưu tiên phân bổ cần tập trung vào những nhu cầu thiết yếu, rủi ro lớn và vượt quá khả năng tự bảo đảm của người dân. Trong phạm vi tỉnh Khánh Hòa sau sắp xếp, cơ chế phân bổ cần thống nhất về nguyên tắc nhưng phù hợp với đặc điểm từng địa bàn.

4.2.1.2. Hoàn thiện điều kiện và phương thức tiếp cận hỗ trợ

Điều kiện và phương thức tiếp cận cần được rà soát theo từng nội dung, nhóm thụ hưởng và khâu phát sinh khoảng cách, trong đó chú trọng cá nhân, hộ gia đình có mức tiếp cận tín dụng còn thấp. Cơ quan chuyên môn, chính quyền cơ sở và tổ chức tín dụng cần phối hợp từ cung cấp thông tin, hướng dẫn hồ sơ, thẩm định đến giải ngân để xác định và xử lý điểm nghẽn. Cần tăng cường chia sẻ dữ liệu nhưng không hạ thấp các điều kiện tín dụng cần thiết. Các tổ, đội, hợp tác xã và tổ chức nghề nghiệp

được phát huy như kênh thông tin và liên kết, không trở thành điều kiện thụ hưởng ngoài quy định, qua đó thu hẹp chênh lệch tiếp cận và nâng khả năng thụ hưởng thực tế.

4.2.2. Điều chỉnh cơ cấu và nội dung hỗ trợ theo yêu cầu phát triển mới

4.2.2.1. Cân đối hỗ trợ duy trì hoạt động và nâng cao năng lực dài hạn

Cơ cấu hỗ trợ cần duy trì các nội dung thiết yếu về nhiên liệu, an toàn và phòng tránh thiên tai, đồng thời tăng cường hỗ trợ công nghệ, thông tin, bảo quản và kỹ năng nhằm nâng cao năng lực tự chủ, thích ứng của người dân. Cơ quan chuyên môn cần phân định hỗ trợ duy trì hoạt động với hỗ trợ phát triển năng lực để xác định cơ cấu phù hợp trong kế hoạch hằng năm và trung hạn. Việc điều chỉnh phải bảo đảm tính bổ trợ giữa ba nhóm hỗ trợ, gắn đầu tư phương tiện, thiết bị và dữ liệu với hướng dẫn sử dụng, qua đó kết hợp giải quyết nhu cầu trước mắt với nâng cao năng lực dài hạn.

4.2.2.2. Ưu tiên khắc phục khoảng trống về công nghệ, thông tin và kỹ năng

Nguồn lực cần ưu tiên cho những nội dung có mức tiếp cận thấp như vận hành phương tiện hiện đại, công nghệ thông tin, khai thác và bảo quản sau thu hoạch. Trước khi mở rộng đầu tư, cần xác định điểm nghẽn thuộc thiết bị, kết nối, dữ liệu hay kỹ năng sử dụng để lựa chọn hình thức hỗ trợ phù hợp. Nội dung và quy mô đào tạo phải dựa trên nhu cầu, khả năng tham gia, đồng thời gắn với công nghệ và điều kiện sản xuất thực tế. Các cơ quan, đơn vị liên quan cần phối hợp tổ chức hỗ trợ theo khoảng trống năng lực; người dân chủ động tham gia đào tạo và ứng dụng kết quả hỗ trợ.

4.2.3. Hoàn thiện cơ chế chia sẻ rủi ro và duy trì hỗ trợ thiết yếu

4.2.3.1. Hoàn thiện cơ chế chia sẻ rủi ro theo mức độ tổn thất và khả năng tự bảo đảm

Cơ chế chia sẻ rủi ro cần dựa trên tính chất, mức độ tổn thất và khả năng tự bảo đảm của từng nhóm thụ hưởng. Người dân chủ động phòng ngừa và tự chịu rủi ro thông thường; bảo hiểm và các công cụ thị trường thực hiện chia sẻ, bù đắp tổn thất đối với những rủi ro có thể bảo hiểm; nguồn lực Nhà nước tập trung vào những tổn thất lớn, bất thường và vượt

quá khả năng tự khắc phục. Đối với bảo hiểm nghề cá, cần rà soát điều kiện tham gia, hỗ trợ phí và khả năng duy trì để xác định nguyên nhân suy giảm, lựa chọn công cụ xử lý và phân định hợp lý trách nhiệm giữa Nhà nước, người dân và thị trường.

4.2.3.2. Bảo đảm tính ổn định, liên tục của hỗ trợ thiết yếu

Các hỗ trợ về bảo hiểm, an toàn, phòng tránh thiên tai và thông tin cảnh báo cần được bảo đảm trong kế hoạch hằng năm và trung hạn. Cần thiết lập ngưỡng cảnh báo để kịp thời xác định nguyên nhân khi mức tham gia, thụ hưởng hoặc kết quả thực hiện suy giảm; từ đó điều chỉnh tổ chức, bố trí nguồn lực hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền. Mục tiêu hỗ trợ cần được duy trì nhất quán, còn công cụ và mức độ ưu tiên được điều chỉnh theo biến động của rủi ro; đồng thời huy động hợp lý các nguồn lực ngoài ngân sách để hạn chế gián đoạn.

4.2.4. Nâng cao chất lượng tổ chức thực hiện và hiệu quả sử dụng nguồn lực hỗ trợ

4.2.4.1. Nâng cao khả năng chuyển hóa chính sách thành kết quả thực hiện

Tổ chức thực hiện cần chuyển từ quản lý chủ yếu theo nhiệm vụ và nguồn lực được giao sang theo dõi toàn bộ quá trình từ xác định nhu cầu, đối tượng, điều kiện, phê duyệt đến thụ hưởng thực tế. Mỗi khâu phải xác định rõ cơ quan chủ trì, trách nhiệm, kết quả đầu ra và thời hạn xử lý; đồng thời bố trí một đầu mối theo dõi, phát hiện và xử lý điểm nghẽn. Cần phân định những vấn đề thuộc thẩm quyền địa phương với nội dung phải kiến nghị Trung ương, qua đó tăng khả năng chuyển hóa mục tiêu, kế hoạch và nguồn lực được bố trí thành kết quả thực hiện.

4.2.4.2. Tăng cường hỗ trợ năng lực tiếp nhận và sử dụng nguồn lực

Việc cung cấp tín dụng, thiết bị, công nghệ, thông tin và đào tạo cần gắn với nâng cao khả năng tiếp nhận, sử dụng của từng nhóm thụ hưởng. Người dân tiếp nhận vốn, thiết bị hoặc hệ thống thông tin cần được hướng dẫn sử dụng trực tiếp, phù hợp với điều kiện hoạt động và thực hiện đồng thời hoặc ngay sau khi nhận hỗ trợ. Cơ quan chuyên môn cần phối hợp với cơ sở đào tạo, tổ chức tín dụng, đơn vị cung cấp công nghệ và tổ chức nghề nghiệp để xác định những khoảng trống năng lực cần ưu tiên. Kết

quả hướng tới không chỉ là tăng số người thụ hưởng mà còn nâng tỷ lệ sử dụng đúng mục đích và phát huy tác dụng của nguồn lực.

4.2.4.3. Phát huy vai trò chủ động và trách nhiệm của người dân

Người dân cần chủ động tìm hiểu chính sách, xác định nhu cầu, chuẩn bị điều kiện tiếp cận và sử dụng nguồn lực đúng mục đích; tích cực tham gia đào tạo, cập nhật kiến thức pháp luật, kỹ năng nghề nghiệp, an toàn và công nghệ. Đồng thời, cần tăng cường phòng ngừa rủi ro, tham gia bảo hiểm, tích lũy nguồn lực và liên kết thông qua tổ, đội, hợp tác xã để chia sẻ thông tin, kinh nghiệm và hỗ trợ lẫn nhau. Người dân cũng cần thực hiện trách nhiệm phản hồi, giám sát và phối hợp với lực lượng chức năng, qua đó chuyển hóa nguồn lực hỗ trợ thành năng lực tự chủ, khả năng thích ứng và sinh kế bền vững.

4.2.5. Hoàn thiện cơ chế theo dõi, phản hồi và điều chỉnh hỗ trợ

4.2.5.1. Theo dõi kết quả theo chuỗi phân bổ, thụ hưởng và phát huy tác dụng

Cần xây dựng hệ thống theo dõi thống nhất, phản ánh quá trình từ bố trí nguồn lực, khả năng tiếp cận, thụ hưởng đến kết quả và mức độ phát huy tác dụng sau hỗ trợ. Các chỉ báo cần phù hợp với ba nhóm hỗ trợ và bốn tiêu chí đánh giá của luận án, đồng thời được phân tách theo nội dung và nhóm thụ hưởng để nhận diện khoảng cách giữa nhu cầu, điều kiện, thụ hưởng và kết quả thực tế. Dữ liệu cần ưu tiên khai thác từ hồ sơ và hệ thống thông tin hiện có, gắn với trách nhiệm cập nhật, tổng hợp của từng cơ quan, qua đó chuyển từ theo dõi đầu vào sang đánh giá khả năng chuyển hóa và phát huy tác dụng của nguồn lực.

4.2.5.2. Thiết lập cơ chế phản hồi và điều chỉnh dựa trên kết quả thực hiện

Phản hồi của người dân cần được thu nhận theo từng nội dung, nhóm thụ hưởng và khâu thực hiện thông qua các kênh phù hợp; sau đó được tổng hợp, phân loại theo vấn đề và thẩm quyền xử lý. Kết quả theo dõi và phản hồi phải trở thành căn cứ điều chỉnh thứ tự ưu tiên, nội dung, phương thức tiếp cận và tổ chức thực hiện trong chu kỳ hỗ trợ tiếp theo. Cơ quan đầu mối có trách nhiệm nhận diện những điểm nghẽn phổ biến, chủ động xử lý các vấn đề thuộc thẩm quyền địa phương và tổng hợp bằng chứng để kiến nghị Trung ương đối với những vướng mắc vượt thẩm quyền, qua đó nâng cao tính thích ứng và hiệu quả hỗ trợ.

KẾT LUẬN

Dưới góc độ Kinh tế chính trị, hỗ trợ của Nhà nước đối với người dân tham gia bảo vệ chủ quyền biển, đảo không chỉ là cung cấp nguồn lực cho sản xuất và sinh kế mà còn là quá trình huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực, chia sẻ chi phí, rủi ro và điều hòa lợi ích giữa người dân, địa phương và quốc gia. Luận án đã làm rõ cơ sở lý luận, xác định ba nhóm hỗ trợ gồm hỗ trợ tài chính; hỗ trợ hạ tầng kỹ thuật và công nghệ thông tin; hỗ trợ kiến thức và kỹ năng; đồng thời xây dựng bốn tiêu chí đánh giá gồm tính phù hợp, khả năng tiếp cận và mức độ bao phủ, tính hiệu quả và tính tác động.

Kết quả nghiên cứu tại Khánh Hòa giai đoạn 2015–2025 cho thấy hỗ trợ của Nhà nước đã góp phần cải thiện điều kiện hoạt động, chia sẻ chi phí, rủi ro và nâng cao năng lực của người dân. Tuy nhiên, một số chương trình còn khoảng cách giữa mục tiêu và kết quả thực hiện; cơ cấu hỗ trợ chưa cân đối; khả năng tiếp cận, thụ hưởng chưa đồng đều; một số nội dung thiếu ổn định và mức độ chuyển hóa nguồn lực thành năng lực tham gia lâu dài còn hạn chế. Phân tích PLS-SEM cho thấy ba nhóm hỗ trợ đều có mối quan hệ cùng chiều và có ý nghĩa thống kê với mức độ tham gia bảo vệ chủ quyền biển, đảo của người dân; trong đó hỗ trợ tài chính có mối quan hệ mạnh nhất, tiếp đến là hỗ trợ hạ tầng kỹ thuật và công nghệ thông tin, sau đó là hỗ trợ kiến thức và kỹ năng; mô hình giải thích được 40,2% phương sai của mức độ tham gia.

Trên cơ sở đó, luận án đề xuất năm nhóm giải pháp: hoàn thiện cơ chế phân bổ và tiếp cận nguồn lực hỗ trợ; điều chỉnh cơ cấu và nội dung hỗ trợ theo yêu cầu phát triển mới; hoàn thiện cơ chế chia sẻ rủi ro và duy trì hỗ trợ thiết yếu; nâng cao chất lượng tổ chức thực hiện và hiệu quả sử dụng nguồn lực hỗ trợ; hoàn thiện cơ chế theo dõi, phản hồi và điều chỉnh hỗ trợ. Kết quả nghiên cứu khẳng định rằng hiệu quả hỗ trợ không chỉ phụ thuộc vào quy mô nguồn lực mà quan trọng hơn là khả năng phân bổ, tiếp cận, sử dụng và chuyển hóa nguồn lực thành điều kiện, năng lực và sự tham gia lâu dài của người dân, qua đó gắn kết lợi ích chính đáng của người dân với lợi ích của địa phương và quốc gia.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Vũ Thị Bích Hạnh (2025), “Hỗ trợ ngư dân tham gia bảo vệ chủ quyền biển, đảo - kinh nghiệm quốc tế và giá trị tham khảo cho Việt Nam”, *Tạp chí Quản lý nhà nước online*, Ngày 24 tháng 9/2025.
2. Vũ Thị Bích Hạnh (2025), “Hỗ trợ của Nhà nước đối với người dân tham gia bảo vệ chủ quyền biển đảo trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa”, *Tạp chí Kinh tế - Tài chính*, Kỳ 3 – Tháng 11/2025 (6).
3. Vũ Thị Bích Hạnh (2026), “Thực trạng hỗ trợ tài chính đối với ngư dân Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa”, *Tạp chí Kinh tế - Tài chính*, Kỳ 2 – Tháng 01/2026 (11).
4. Vũ Thị Bích Hạnh (2026), “Hỗ trợ của Nhà nước đối với ngư dân tham gia bảo vệ chủ quyền biển, đảo: Nghiên cứu tổng quan”, *Tạp chí Nghiên cứu Tài chính kế toán*, Kỳ 2 – Tháng 02 (Số 306).